

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 14-3-2025

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Ông Lê Văn Đô

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: ông Vũ Đình Ư - Kiểm sát viên.

Ngày 14/3/2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-DS ngày 20/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST -DS ngày 18/02/2025 giữa:

****Nguyên đơn:*** Ông Lê Tiến C, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

****Bị đơn:*** Ông Trần Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1952 (vợ ông C) (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

- Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1960 (vợ ông T) (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Tiến C trình bày: ngày 11/7/2016, ông có cho ông T vay số tiền 10.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay, thời hạn vay 01 năm, lãi thỏa thuận 20%/năm, ông xác định ông T đã trả lãi từ ngày vay đến 30/7/2023 dương lịch, sau đó ông T không trả nữa. Ông xác định đây là tiền của cá nhân ông và là nợ riêng của cá nhân ông T. Ông xác định ông T chưa trả được số tiền gốc nào và lãi từ 30/7/2023 cho đến nay thì chưa trả được ít nào. Nay ông yêu cầu cá nhân ông T trả cho ông số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng và lãi 9%/ năm tính từ ngày 01/8/2023 dương lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông C có mặt và ông thay đổi yêu cầu của mình về việc yêu cầu trả lãi. Ông chỉ yêu cầu ông T trả cho ông số tiền gốc là 10.000.000 đồng, còn ông xin rút yêu cầu trả lãi.

*Bị đơn ông T trình bày: Ông xác định ngày 11/7/2016, ông có vay của ông C số tiền 10.000.000 đồng, khi vay hai bên không làm giấy vay gì, lãi suất 2%/ tháng, ông đã trả lãi từ ngày vay đến tháng 8 năm 2023, số tiền gốc thì ông xác định đã trả được 2.000.000 đồng năm 2024, khi trả đưa bằng tiền mặt, không có giấy tờ gì. Nay ông C yêu cầu cá nhân ông trả cho ông C số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng và lãi 9%/năm tính từ ngày 01/8/2023 dương lịch cho đến khi xét xử sơ thẩm thì ông chỉ đồng ý trả số tiền gốc là 8.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền lãi và xác định là nợ cá nhân ông.

Tại phiên tòa ông T vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T1 vợ ông C xin vắng mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T2 vợ ông T trình bày: Bà xác định là nợ riêng của cá nhân ông T, không liên quan đến bà vì việc vay mượn của ông T bà không được biết. Tại phiên tòa bà vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến C

Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tiến C số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi do ông Lê Tiến C rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự: Ông Trần Văn T phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Tiến C được miễn tạm ứng án phí dân sự

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: ông Lê Tiến C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T trả số tiền gốc và lãi, xác định là quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa

bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và bị đơn vắng mặt, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: ông Lê Tiến C khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T trả số tiền gốc theo biên bản vay tiền đề ngày 11/7/2016 thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án thì hai bên đều xác định ông T có vay của ông C số tiền 10.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi và hai bên đều xác định ông T trả lãi đến 30/7/2023, sau đó thì không trả nữa, sau đó không trả được lãi nữa. Ông T xác định đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc năm 2024, tuy nhiên lại không có chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền gốc trên, còn ông C xác định ông T chưa trả được số tiền gốc nào. Như vậy, căn cứ ông T xác định đã trả được 2.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, ông C yêu cầu ông T trả số tiền gốc 10.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông C xác định là tài sản riêng của ông và là nợ riêng ông T và ông T cũng xác định là nợ riêng của cá nhân ông. Do vậy, buộc cá nhân ông T có nghĩa vụ trả cho ông C là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Trong quá trình giải quyết, ông C trình bày là khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 20%/năm và xác định ông T đã trả được số tiền lãi từ ngày vay đến ngày 30/7/2023, còn từ 01/8/2023 thì ông T chưa trả được số tiền lãi nào. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có lãi và có thời hạn. Đối với số tiền lãi mà ông T đã trả cho ông C từ ngày vay đến ngày 30/7/2023 thì ông T không có ý kiến gì về số tiền lãi đã trả. Trong quá trình giải quyết ông C yêu cầu tính lãi từ ngày 01/8/2023 cho đến ngày xét xử, mức lãi 9%/năm. Tại phiên tòa ông C rút yêu cầu trả lãi, việc rút yêu cầu là tự nguyện, nên cần đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS là phù hợp.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông C được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ông C được miễn tạm ứng án phí dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điểm đ – khoản 1 Điều 12; khoản 2- Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tiến C

Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tiến C số tiền gốc là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi do ông Lê Tiến C rút yêu cầu.

3. Về án phí dân sự: Ông Trần Văn T phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Tiến C được miễn tạm ứng án phí dân sự

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Sự

